

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (2005 - 2008)

**Vũ Đình Khoa - Khoa Kinh tế
Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội**

Đánh giá chất lượng tăng trưởng ngành kinh tế là một việc làm khó khăn, đã có rất nhiều các quan điểm khác nhau về đánh giá chất lượng tăng trưởng ngành, như:

Quan niệm 1: Chất lượng tăng trưởng ngành kinh tế đồng nghĩa với cơ cấu kinh tế tiến bộ. Cấu ngành công nghiệp tiến bộ khi mà tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác có xu hướng giảm, tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến có xu hướng tăng lên.

Quan niệm 2: Dùng thước đo hiệu quả kinh tế để đánh giá chất lượng tăng trưởng ngành kinh tế. Các nước trên thế giới phát triển ngành công nghiệp thường phải trải qua các giai đoạn, giai đoạn đầu tăng trưởng theo chiều rộng (gia tăng các yếu tố: lao động, vốn, tài nguyên, khoa học kỹ thuật để tăng sản lượng đầu ra); giai đoạn sau tăng trưởng theo chiều sâu (gia tăng các yếu tố đầu ra do sử dụng hiệu quả vốn; tăng cường sử dụng tiến bộ khoa học, nâng cao năng suất lao động)

Quan niệm 3: Chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp phản ánh bởi khả năng cạnh tranh.

Quan niệm 4: Chất lượng tăng trưởng kinh tế góp phần giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội.

Từ những quan điểm và khái niệm nêu trên, khái quát chất lượng tăng trưởng ngành:

Chất lượng tăng trưởng công nghiệp được thể hiện sự gia tăng năng suất lao động, cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng hiện đại, tăng trưởng đi đôi với việc giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Thực trạng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam giai đoạn (1995 - 2008):

Về chuyển dịch cơ cấu công nghiệp

Trong thời gian qua cơ cấu ngành công nghiệp chuyển biến theo hướng tích cực (tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến (tăng từ 80,6% năm 1995 lên 88,9% năm 2009) giảm tỷ trọng ngành công nghiệp khai thác). Nhưng sự chuyển biến này chưa nhiều, cơ cấu ngành công nghiệp khai thác vẫn còn chiếm tỷ trọng cao so với các nước trong khu vực.

Về năng suất lao động

Trong giai đoạn 2000 – 2008 năng suất lao động ngành khai thác tài nguyên luôn cao hơn năng suất chung của ngành công nghiệp, thậm chí cao hơn rất nhiều (gấp 6 lần so với năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến). Điều này báo động về chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp, sẽ ảnh hưởng xấu đến phát triển bền vững của nền kinh tế (gia tăng mức độ khai thác tài nguyên thiên nhiên trong khi mức độ gia tăng chế biến lại chậm).

Về hiệu quả đầu tư

Tỷ suất lợi nhuận của 1 đồng vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam rất thấp (tỷ suất lợi nhuận trên 1 đồng vốn sản xuất mới sấp xỉ bằng 10%). Xét về nguồn vốn sở hữu thì thấy doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động hiệu quả hơn rất nhiều so với doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Để lý giải cho vấn đề này có thể giải thích là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có tiềm lực về vốn, trình độ công nghệ tiên tiến, trình độ quản lý cao nên có hiệu quả đầu tư cao.

Phân theo ngành, công nghiệp chế biến là ngành trụ cột của ngành công nghiệp Việt Nam thì lại có tỷ suất sinh lời trên 1 đồng vốn sản xuất thấp nhất. Đây

Bảng 1: Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp

Năm	1995	1998	2000	2003	2005	2006	2007	2008
Công nghiệp khai thác	13.4	14	13.8	10.7	9.1	7.8	6.8	5.4
Công nghiệp chế biến	80.6	79.8	79.7	82.9	84.9	86.4	87.6	88.9
Sản xuất & phân phối điện, khí đốt và nước	6	6.2	6.5	6.4	6	5.7	5.6	5.7

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Bảng 2: Năng suất lao động ngành công nghiệp (2000 – 2008)

Năm	2000	2004	2005	2006	2007	2008
Công nghiệp khai thác mỏ	166,6	223,5	260,5	269,5	281,0	306,1
Công nghiệp chế biến	23,1	30,1	33,0	36,6	40,8	49,5
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	169,2	182,9	191,1	193,0	202,4	212,1

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Bảng 3: Tỷ suất lợi nhuận của 1 đồng vốn SXKD của doanh nghiệp công nghiệp phân theo sở hữu (không gồm cá thể)

Năm	1995	2000	2003	2005	2007	2008
Doanh nghiệp Nhà nước	0,045	0,057	0,036	0,061	0,071	0,074
Ngoài quốc doanh	0,015	0,011	0,023	0,042	0,066	0,078
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0,135	0,158	0,162	0,169	0,243	0,285

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Bảng 4: Tỷ suất lợi nhuận của 1 đồng vốn SXKD của doanh nghiệp công nghiệp phân theo ngành (không gồm cá thể)

Năm	1995	2000	2003	2005	2007	2008
Công nghiệp khai thác	0,430	0,446	0,433	0,490	0,474	0,457
Công nghiệp chế biến	0,032	0,026	0,040	0,050	0,071	0,082
Sản xuất & phân phối điện, khí đốt và nước	0,055	0,065	0,067	0,126	0,156	0,174

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

sẽ là trọng tâm để phấn đấu nếu chúng ta muốn nâng cao chất lượng ngành công nghiệp.

Phân tích chi phí trung gian

Chi phí trung gian của ngành công nghiệp trong giai đoạn 1995 – 2008 tăng cao, điều này có thể giải thích do: cơ cấu ngành chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng những ngành chế biến, giá nguyên liệu tăng, đặc biệt là giá dầu mỏ tăng nhanh trong thời gian vừa qua...Có một số nguyên nhân chủ quan như lãng phí, thất thoát trong đầu tư, trong sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư tài sản bất động sản phục vụ sản xuất cao, các chi phí “bôi trơn” ngoài tầm kiểm soát của do-

anh nghiệp cao...

Chi phí trung gian trong giá trị sản xuất tính chung cho toàn ngành công nghiệp tăng liên tục trong thời gian qua (năm 2000 là 65,36%; năm 2001 là 66,77%; năm 2002 là 67,51%; năm 2003 là 68,63%). Phân theo ngành thì ngành công nghiệp chế biến có tỷ trọng lớn (ngành chế biến chiếm tới 90,97% chi phí trung gian toàn ngành Công nghiệp), là ngành đóng góp lớn vào giá trị sản xuất của ngành công nghiệp nhưng ngành này cũng có chi phí trung gian rất cao (năm 2003 chi phí trung gian chiếm tới 76,76% giá trị sản

(xem tiếp trang 73)